



PHỤ LỤC
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP TỈNH, CẤP XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 512 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

A. CẤP TỈNH (08 TTHC)

I. NGÀNH CÔNG THƯƠNG (01 TTHC)

1. Thủ tục: Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên (mã số TTHC: 2.000066).

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Bỏ thành phần hồ sơ: “Bản gốc chứng chỉ đã được cấp” quy định tại điểm b khoản 2 của Phụ lục IX Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại (theo quy định tại điểm 2, khoản III, mục 1.2 Phụ lục I.2 Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026: Đã thay thế thành phần hồ sơ “Bản gốc chứng chỉ đã được cấp” bằng “Bản sao chứng chỉ đã được cấp”).

b) Lý do: Cơ quan có thẩm quyền đã quản lý thông tin của chứng chỉ kiểm định viên từ thời điểm cấp chứng chỉ lần đầu thông qua hồ sơ, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và dữ liệu được số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Vì vậy, không cần thiết yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp bản gốc/bản sao chứng chỉ kiểm định viên đã được cấp trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại, do cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể chủ động tra cứu, khai thác và đối chiếu thông tin phục vụ việc thẩm định, giải quyết hồ sơ, đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, qua đó giảm chi phí và thời gian thực hiện quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Bỏ thành phần hồ sơ: “Bản gốc chứng chỉ đã được cấp” quy định tại điểm b khoản 2 của Phụ lục IX Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại (theo quy định tại điểm 2, khoản III, mục 1.2 Phụ lục I.2 Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026: Đã thay thế thành phần hồ sơ “Bản gốc chứng chỉ đã được cấp” bằng “Bản sao chứng chỉ đã được cấp”).

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 873.705 đồng.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 758.671 đồng.
- c) Chi phí tiết kiệm: 115.034 đồng.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau khi đơn giản hóa: 13%.

II. NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (02 TTHC)

1. Thủ tục: Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng (mã số TTHC: 1.011470).

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Bổ thành phần hồ sơ là bản sao “Một trong các tài liệu sau đối với trường hợp khai thác tận dụng gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ:

- Đối với khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Đối với khai thác tận dụng trên diện tích tạm sử dụng rừng để thi công các công trình tạm phục vụ thi công dự án: quyết định phê duyệt và phương án tạm sử dụng rừng để thi công công trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Đối với khai thác tận dụng trên diện tích rừng trồng thanh lý: quyết định thanh lý kèm theo phương án thanh lý rừng trồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

b) Lý do: Các thành phần hồ sơ này là kết quả giải quyết của các TTHC (Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, mã thủ tục 1.012689; Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án tạm sử dụng rừng, mã thủ tục 1.012413; Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, mã thủ tục 1.012921). Các thành phần hồ sơ này cơ quan giải quyết TTHC có thể khai thác từ kết quả giải quyết của các TTHC nêu trên đã được số hóa.

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề xuất bãi bỏ các điểm a, c, đ khoản 5 Điều 6 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa là 6.342.226 đồng/TTHC. Tổng chi phí tuân thủ khi chưa đơn giản hóa đối với 16 hồ sơ phát sinh trong năm 2026 là 98.621.392 đồng/năm.

b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 4.162.410 đồng/TTHC. Tổng chi phí tuân thủ khi đơn giản hóa đối với 16 hồ sơ phát sinh trong năm 2026 là 72.644.192 đồng/năm.

c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa thành phần hồ sơ TTHC là 4.162.410 đồng/TTHC. Tổng chi phí tuân thủ khi đơn giản hóa đối với 16 hồ sơ phát sinh trong năm 2026 là 25.977.200 đồng/năm.

d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau khi đơn giản hóa: 26,34%.

2. Thủ tục: Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức (mã số TTHC: 1.012689).

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ là “Bản sao Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền”.

b) Lý do: Các thành phần hồ sơ này là kết quả giải quyết của các TTHC Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh, mã thủ tục 3.000152. Thành phần hồ sơ này cơ quan giải quyết TTHC có thể khai thác từ kết quả giải quyết của TTHC nêu trên đã được số hóa.

2.2. Kiến nghị thực thi: Đề xuất sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP: bãi bỏ cụm từ “Bản sao Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền”.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 4.927.503 đồng/mỗi TTHC. Tổng chi phí tuân thủ khi chưa đơn giản hóa đối với 04 hồ sơ phát sinh trong năm 2026 là 19.710.012 đồng.

b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 4.162.410 đồng/TTHC. Tổng chi phí tuân thủ khi đơn giản hóa đối với 04 hồ sơ phát sinh trong năm 2026 là 17.125.344 đồng.

c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa thành phần hồ sơ 765.093 đồng/mỗi hoạt động của TTHC. Tổng chi phí tuân thủ khi đơn giản hóa đối với 04 hồ sơ phát sinh trong năm 2026 là 2.584.668 đồng.

d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau khi đơn giản hóa 13,11%.

III. NGÀNH NỘI VỤ (02 TTHC)

1. Thủ tục: Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (mã số TTHC: 1.014201)

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ là “Giấy khám sức khỏe hoặc Giấy chứng nhận sức khỏe” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

b) Lý do: Thủ tục gia hạn chỉ nhằm tiếp tục thời hạn làm việc của người lao động nước ngoài trên cơ sở quan hệ lao động đang được duy trì, không làm thay đổi các nội dung cơ bản về vị trí công việc, hình thức làm việc theo nội dung được gia hạn. Việc tiếp tục yêu cầu nộp Giấy khám sức khỏe hoặc Giấy

chứng nhận sức khỏe làm phát sinh thêm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và người lao động. Bên cạnh đó, pháp luật về lao động và pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động đã quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động hằng năm, qua đó vẫn bảo đảm việc theo dõi, quản lý tình trạng sức khỏe của người lao động trong quá trình làm việc.

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ là “Giấy khám sức khỏe hoặc Giấy chứng nhận sức khỏe” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa là 180.090.638 đồng.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa là 59.481.422 đồng.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa thành phần hồ sơ là 120.609.216 đồng.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau khi đơn giản hóa là 67%.

2. Thủ tục: Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (mã số TTHC: 1.014198)

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ là “Giấy khám sức khỏe hoặc Giấy chứng nhận sức khỏe” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

b) Lý do: Thủ tục gia hạn chỉ nhằm tiếp tục thời hạn làm việc của người lao động nước ngoài trên cơ sở quan hệ lao động đang được duy trì, không làm thay đổi các nội dung cơ bản về vị trí công việc, hình thức làm việc theo nội dung được gia hạn. Việc tiếp tục yêu cầu nộp Giấy khám sức khỏe hoặc Giấy chứng nhận sức khỏe làm phát sinh thêm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và người lao động. Bên cạnh đó, pháp luật về lao động và pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động đã quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động hằng năm, qua đó vẫn bảo đảm việc theo dõi, quản lý tình trạng sức khỏe của người lao động trong quá trình làm việc.

2.2. Kiến nghị thực thi: Đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ là “Giấy khám sức khỏe hoặc Giấy chứng nhận sức khỏe” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 1.741.330 đồng.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 415.954 đồng.

c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa thành phần hồ sơ 1.325.376 đồng.

d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau khi đơn giản hóa 76%.

IV. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (01 TTHC)

1. Thủ tục: Chuyển trường và tiếp nhận học sinh (mã số TTHC: 2.002854)

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bảng tổng hợp kết quả đánh giá rèn luyện và học tập của học sinh theo quy định” tại điểm b khoản 2 Điều 34 Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

b) Lý do: Thành phần hồ sơ được quy định nêu trên được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý và được lưu trữ điện tử trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo tại địa chỉ: <https://csdl.moet.gov.vn>. Vì vậy, việc cắt giảm các thành phần hồ sơ nêu trên góp phần làm giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC (học sinh chỉ cần cung cấp thông tin để có cơ sở đối chiếu, khai thác dữ liệu).

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ “Bảng tổng hợp kết quả đánh giá rèn luyện và học tập của học sinh theo quy định” tại điểm b khoản 2 Điều 34 Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 427.315.628 đồng/năm.

b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa là 205.553.516 đồng/năm.

c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa thành phần hồ sơ 221.762.112 đồng/năm.

d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau khi đơn giản hóa 51.8%.

V. NGÀNH Y TẾ (02 TTHC)

1. Thủ tục: Cấp mới Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (mã số TTHC: 1.012278)

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Bổ sung quy định cụ thể nội dung thông tin kê khai, ban hành mẫu, chuẩn hóa về những loại tài liệu giấy tờ chứng minh, xác nhận các kê khai quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 60 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Lý do: Trong thành phần hồ sơ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 60 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP có yêu cầu phải nộp: “đ) Bản kê khai cơ sở vật chất, danh mục thiết bị y tế, danh sách nhân sự đáp ứng điều kiện cấp giấy phép hoạt động tương ứng với từng hình thức tổ chức theo Mẫu 08 Phụ lục II ban hành

kèm theo Nghị định này và các giấy tờ chứng minh, xác nhận các kê khai đó” nhưng không quy định và không có hướng dẫn “giấy tờ chứng minh, xác nhận các kê khai” là những loại giấy tờ nào; hình thức và nội dung cơ bản của những loại giấy tờ chứng minh, xác nhận này không được xác định rõ (không có các chỉ tiêu thông tin chuẩn phải kê khai; không có biểu, mẫu chuẩn hóa thông tin yêu cầu kê khai).

Ngoài ra, quy định phải có “các giấy tờ chứng minh, xác nhận các kê khai đó” mà không có quy định các chỉ tiêu thông tin, không có biểu mẫu kèm theo dẫn đến trong thực tế phát sinh các hồ sơ, giấy tờ đối tượng thực hiện thủ tục hành chính phải nộp ngoài các giấy tờ được xác định trong thành phần hồ sơ; ngoài ra, các loại giấy tờ “chứng minh, xác nhận các kê khai” này được hiểu theo nhiều cách khác nhau, mỗi đối tượng, mỗi vùng thực hiện theo những cách khác nhau và cơ quan, công chức được giao thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính có khả năng tùy nghi chấp nhận hay không chấp nhận theo nhận thức, ý chí chủ quan của mình. Điều này thực sự không phù hợp với các quy định pháp luật về những yêu cầu khi soạn thảo, ban hành quy định thủ tục hành chính (Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và gây khó khăn cá nhân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính.

b) Bãi bỏ điểm e khoản 1 Điều 60 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

Lý do: Thành phần hồ sơ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 60 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP có yêu cầu: “e) Danh sách ghi rõ họ tên, số giấy phép hành nghề của từng người hành nghề đăng ký hành nghề tại cơ sở đó theo Mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này”. Tuy nhiên, qua rà soát, nội dung thông tin kê khai tại điểm e khoản 1 Điều 60 trùng lặp với nội dung đã yêu cầu kê khai tại điểm d khoản 1 Điều 60 và các điểm khác tại khoản này.

c) Sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin phải kê khai, loại giấy tờ (chuẩn hóa biểu mẫu (nếu có) và quy định rõ cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xác nhận đối với nội dung kê khai về: Xử lý nước thải; Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt; Phòng cháy chữa cháy” quy định tại Mục V của Mẫu 08 Phụ lục II.

Lý do: Mẫu 08 Phụ lục II có 05 mục thông tin yêu cầu kê khai (I (thông tin chung), II (tổ chức), III (nhân sự), IV (thiết bị y tế), V (cơ sở vật chất)); trong đó:

- Khoản 1 Mục III của Mẫu 08 Phụ lục II về “Danh sách trưởng khoa, phụ trách phòng, bộ phận chuyên môn” có 06 nội dung thông tin yêu cầu phải kê khai, trong đó có yêu cầu kê khai “Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp”. Tuy nhiên, tại điểm d khoản 1 Điều 60 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP đã có yêu cầu nộp “d) Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề và giấy xác nhận quá trình hành nghề theo Mẫu 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này của người phụ trách bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”; trong nội dung kê khai tại Mẫu 11 Phụ lục I đã có yêu cầu kê khai “Số giấy phép hành nghề” được

cấp. Như vậy, trường hợp quy định tại khoản 1 của Mục III Mẫu 08 Phụ lục II yêu cầu kê khai một lần nữa “Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp” là không cần thiết, không hợp lý. Chưa kể cách ghi “chứng chỉ hành nghề đã được cấp” là không thống nhất, không phù hợp, vì ở các điểm, khoản tại Điều 60 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và các mẫu đơn, tờ khai khác đều ghi là “giấy phép hành nghề” theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023.

- Tại Mục V của Mẫu 08 Phụ lục II, có yêu cầu kê khai các nội dung thông tin:

“5. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

a) Xử lý nước thải:

b) Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt:

7. Hệ thống phụ trợ:

a) Phòng cháy chữa cháy”

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 60 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP thì cá nhân, doanh nghiệp phải nộp “Các giấy tờ chứng minh, xác nhận các kê khai đó”.

Tuy nhiên, trong Mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, các quy định khác tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP không xác định nội dung thông tin kê khai; mặt khác, không quy định “giấy tờ chứng minh, xác nhận các kê khai” về nội dung, cách thức, thể thức; không rõ cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xác nhận các thông tin kê khai. Điều này dẫn đến trong thực tế thực hiện hồ sơ rất khó khăn.

d) Kiến nghị bãi bỏ Mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP. Tích hợp nội dung thành phần “Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)” vào khoản 2 Mục III Mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

Lý do: Hầu hết các nội dung thông tin kê khai tại Mẫu 01 Phụ lục II đều trùng lặp với các thông tin tại những mẫu đơn, tờ khai khác quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (ngoại trừ 01 nội dung thành phần duy nhất), cụ thể là:

(1) Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Nội dung thông tin này đã có trong Đơn đề nghị cấp/điều chỉnh/cấp lại giấy phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Mẫu 02, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP) và Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP) được nộp cùng trong bộ hồ sơ.

(2) Địa chỉ: Nội dung thông tin này đã có trong Đơn đề nghị cấp/điều chỉnh/cấp lại giấy phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Mẫu 02, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP) và Bản kê khai cơ sở vật

chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP) được nộp cùng trong bộ hồ sơ.

(3) Thời gian làm việc hằng ngày của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Nội dung thông tin này đã có trong Đơn đề nghị cấp/điều chỉnh/cấp lại giấy phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Mẫu 02, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP) được nộp cùng trong bộ hồ sơ.

(4) Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh: Trong nội dung thông tin tại khoản này, có 05/06 thông tin yêu cầu kê khai ((1) họ và tên, (2) số giấy phép hành nghề hoặc số chứng chỉ hành nghề, (3) phạm vi hành nghề, (4) thời gian đăng ký hành nghề, làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, (5) vị trí chuyên môn) đã được yêu cầu kê khai tại Mục III Mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP) được nộp cùng trong bộ hồ sơ.

Như vậy, Mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP yêu cầu nội dung kê khai trùng lặp, không cần thiết.

Chỉ duy nhất nội dung thông tin: “Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)” là thông tin chưa có trong các biểu mẫu quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

đ) Về quy định yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính, kiến nghị bổ sung quy định nội dung chỉ tiêu đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy, kiểm soát nhiễm khuẩn, bảo vệ môi trường phù hợp với từng hình thức, quy mô cơ sở hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; nhất là các phòng khám chuyên khoa, cơ sở dịch vụ nhỏ lẻ hoạt động ở các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Lý do: Điểm a khoản 2 Điều 40 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP quy định về điều kiện cấp giấy phép hoạt động chung đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định:

“2. Cơ sở vật chất:

a) Có địa điểm cố định đáp ứng các quy định của pháp luật về: An toàn chịu lực, phòng cháy và chữa cháy, kiểm soát nhiễm khuẩn, bảo vệ môi trường, an toàn bức xạ (nếu có); bảo đảm đủ điện, nước phục vụ hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”.

Tuy nhiên, trong Nghị định số 96/2023/NĐ-CP không quy định những chỉ tiêu đáp ứng các điều kiện này như thế nào, không quy định cách thức, hình thức chứng minh, xác nhận đáp ứng các điều kiện. Điều này gây khó khăn cho đối tượng thực hiện, nhất là các cơ sở dịch vụ nhỏ, lẻ, cơ sở chỉ có 01 đến vài nhân sự. Việc thiếu các quy định về chỉ tiêu đáp ứng yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính có khả năng dẫn đến sự tùy nghi trong cách áp dụng pháp luật của cơ quan, công chức được giao thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Kiến nghị Bộ Y tế tham mưu trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh như sau:

- a) Bãi bỏ điểm e khoản 1 Điều 60 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.
- b) Bãi bỏ Mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP. Tích hợp nội dung thành phần “Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)” vào khoản 2 Mục III Mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.
- c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 60 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP như sau: Bổ sung quy định cụ thể nội dung thông tin kê khai, ban hành mẫu, chuẩn hóa về những loại tài liệu giấy tờ chứng minh, xác nhận các kê khai.
- d) Sửa đổi, bổ sung Mục V của Mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP như sau: Bổ sung quy định về thông tin phải kê khai, loại giấy tờ (chuẩn hóa biểu mẫu (nếu có)), cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xác nhận đối với nội dung kê khai về: Xử lý nước thải; Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt; Phòng cháy chữa cháy” quy định tại Mục V của Mẫu 08 Phụ lục II.
- đ) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 40 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP như sau: Bổ sung quy định nội dung chỉ tiêu đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy, kiểm soát nhiễm khuẩn, bảo vệ môi trường phù hợp với từng hình thức, quy mô cơ sở hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; nhất là các phòng khám chuyên khoa, cơ sở dịch vụ nhỏ lẻ ở các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 2.139.134.208 đồng/năm.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa là 1.752.677.600 đồng/năm.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa thành phần hồ sơ 386.456.608 đồng/năm.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau khi đơn giản hóa 18,1 %.

Ngoài ra, việc thực hiện phương án đơn giản hóa giúp cho đối tượng thực hiện TTHC được thuận lợi hơn trong chuẩn bị hồ sơ; quan trọng hơn, giúp cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính có được tự chủ và khẳng định được giá trị pháp lý, sự phù hợp, đúng quy định của hồ sơ do mình chuẩn bị so với quy định của pháp luật (vì khi quy định về thành phần hồ sơ, quy định về giấy tờ chứng minh, xác nhận được rõ ràng, minh bạch, đầy đủ thì giữa đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan, công chức được giao thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính có sự thống nhất trong nhận thức, đánh giá hồ sơ). Phương án

đơn giản hóa còn giảm tổng thời gian bình quân thực hiện thủ tục hành chính; giảm giấy tờ trong thành phần hồ sơ phải nộp. Đối với cơ quan nhà nước, việc thực hiện phương án đơn giản hóa thể hiện trách nhiệm trong xây dựng, ban hành quy định về thủ tục hành chính; đối với cơ quan, công chức được giao thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, việc thực hiện phương án đơn giản hóa giúp giảm việc xem xét những giấy tờ không cần thiết, đạt được sự thống nhất trong áp dụng pháp luật để xử lý hồ sơ, góp phần phòng ngừa các biểu hiện của hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

2. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế (mã số TTHC: 1.013855)

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010.

Lý do: Trong quy định về thành phần hồ sơ tại điểm c khoản 1 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 có yêu cầu: “Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” (sau đây viết tắt là Bản thuyết minh).

Tuy nhiên, cho đến nay, Bộ Y tế không có quy định về nội dung của Bản thuyết minh; không có quy định về hình thức, thể thức của Bản thuyết minh; không có quy định các thông tin yêu cầu phải kê khai trong Bản thuyết minh; không rõ ràng về nội dung thông tin phải cung cấp vì vừa không có quy định, vừa không được mẫu hóa¹. Điều này dẫn đến thực trạng mỗi cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm khi thực hiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm lập Bản thuyết minh theo những cách khác nhau. Các cơ quan được giao thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính ở những địa phương khác nhau và ở mỗi thời kỳ hướng dẫn thực hiện Bản thuyết minh theo những cách khác nhau; những cách thức này đều không hợp pháp, không đúng thẩm quyền; khác nhau về bố cục nội dung, khác về các chỉ tiêu thông tin kê khai, khác về dung lượng văn bản và khác nhau về thể thức văn bản.

¹ Thực tế, qua ra soát hồ sơ đã nộp cho thấy, các cơ sở đã sử dụng Mẫu số 02a hoặc Mẫu số 02b ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương để thực hiện. Một số trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã tự mình ban hành Mẫu Bản thuyết minh để người dân, hộ kinh doanh thực hiện.

Mặt khác, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế thì trong trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm phải có bước kiểm tra, thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hoặc cơ quan được ủy quyền thực hiện. Thực tế cho thấy, các nội dung kê khai trong Bản thuyết minh đều được đoàn thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm tra, thẩm định lại và ghi nhận trong Biên bản thẩm định². Do đó, việc kê khai các nội dung về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm trong Bản thuyết minh và yêu cầu phải có trong thành phần hồ sơ là không cần thiết cho việc giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị ban hành bổ sung mẫu kê khai “Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở” trong thành phần hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.

Lý do: Trong quy định về thành phần hồ sơ tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP có yêu cầu nộp: “Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở” (sau đây viết tắt là Danh sách). Tuy nhiên, không có quy định và hướng dẫn các thông tin phải kê khai trong Danh sách, không quy định hình thức, thể thức của Danh sách; không có quy định biểu, mẫu kê khai. Điều này dẫn đến thực trạng mỗi cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm khi thực hiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm lập danh sách theo những cách khác nhau, lúng túng trong thực hiện³. Ngoài ra, quy định này gián tiếp cho phép khả năng xử sự tùy nghi theo ý muốn chủ quan của cơ quan và công chức được giao tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi:

a) Kiến nghị Bộ Y tế tham mưu trình Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 như sau: Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010.

b) Kiến nghị Bộ Y tế tham mưu trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2018/NĐ-CP như sau: Ban hành bổ sung mẫu kê khai “Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở”.

² Theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.

³ Ví dụ: Có hay không có kê khai thông tin về: Giới tính, căn cước công dân, ngày tháng năm sinh, địa chỉ cư trú, số điện thoại cá nhân, ngày tháng năm tập huấn.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 4.211.685.492 đồng/năm.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 3.711.970.752 đồng/năm.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa thành phần hồ sơ 499.714.740 đồng/năm.
- d) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa thành phần hồ sơ 11,9 %.

Ngoài ra, việc thực hiện phương án đơn giản hóa giúp cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính được thuận lợi hơn trong chuẩn bị hồ sơ; khắc phục sự lúng túng trong thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính; giảm tổng thời gian bình quân thực hiện thủ tục hành chính; giảm giấy tờ trong thành phần hồ sơ phải nộp. Đối với cơ quan, công chức được giao thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, việc thực hiện phương án đơn giản hóa giúp giảm việc xem xét những giấy tờ không cần thiết, đạt được sự thống nhất trong áp dụng pháp luật để xử lý hồ sơ, góp phần phòng ngừa các biểu hiện của hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

B. CẤP XÃ (20 TTHC)

I. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (01 TTHC)

1. Thủ tục: Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo (mã số TTHC: 1.001622)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ việc yêu cầu người dân nộp hoặc xuất trình các giấy tờ chứng minh đối tượng như: Xác nhận thông tin cư trú; Giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo.

Lý do: Hiện nay thông tin về cư trú đã được tích hợp toàn diện trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thông tin về hộ nghèo/cận nghèo đã có sẵn do UBND xã trực tiếp quản lý. Việc bắt buộc phụ huynh phải nộp các loại giấy tờ xác nhận bản cứng này gây trùng lặp thông tin, phát sinh chi phí sao y, chứng thực và đi lại không cần thiết cho người dân.

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét sửa đổi điểm a, điểm c khoản 3 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non: bỏ yêu cầu xuất trình/nộp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; quy định trách nhiệm của cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải tự tra cứu, đối chiếu thông tin thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và danh sách hộ nghèo/cận nghèo được phê duyệt.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 275.600 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 106.000 đồng/hồ sơ.

c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 169.600 đồng/hồ sơ.

d) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 61.54%.

II. NGÀNH NỘI VỤ (03 TTHC)

1. Thủ tục: Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng (mã số TTHC: 1.001776)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ yêu cầu người dân phải nộp hoặc xuất trình "Giấy xác nhận khuyết tật" bản giấy đối với trường hợp đối tượng là người khuyết tật.

Lý do: Giấy xác nhận khuyết tật do chính Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành dựa trên kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã. Do đó, thông tin dữ liệu về đối tượng khuyết tật đã được lưu trữ, số hóa trực tiếp tại địa phương và hệ thống quản lý chuyên ngành của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội. Việc bắt buộc người dân phải xuất trình lại phôi giấy giấy xác nhận khi thực hiện thủ tục hưởng trợ cấp là trùng lặp, gây phiền hà cho đối tượng yếu thế.

1.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 theo hướng: Quy định đối với đối tượng là người khuyết tật, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tự tra cứu Quyết định công nhận mức độ khuyết tật trong kho dữ liệu điện tử của đơn vị hoặc Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không yêu cầu công dân phải nộp/xuất trình Giấy xác nhận khuyết tật bản giấy.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 127.200 đồng/hồ sơ.

b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 42.400 đồng/hồ sơ.

c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 84.800 đồng/hồ sơ.

d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,67%.

2. Thủ tục: Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội (mã số TTHC: 2.000282)

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ yêu cầu nộp bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân của đối tượng.

Lý do: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Công dịch vụ công quốc gia, hệ thống một cửa điện tử và Cơ sở dữ liệu về dân cư, người tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đã có cơ sở xác định được thông tin của người thực hiện TTHC do đó việc quy định bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước/hộ chiếu

làm tăng chi phí thực hiện TTHC của người dân. Mặt khác hiện nay hầu hết các TTHC bao gồm các TTHC phức tạp đã loại bỏ hoàn toàn việc yêu cầu nộp bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước/hộ chiếu của cá nhân khi thực hiện. Việc yêu cầu nộp bản sao sẽ gây hiểu lầm và có tâm lý để không phải đi lại nhiều lần, người dân, tổ chức sẽ đi làm thủ tục chứng thực bản sao cho chắc, từ đó gây tốn kém chi phí và thời gian đi lại.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b, khoản 3, Điều 27 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ: Bãi bỏ yêu cầu nộp bản sao chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân của đối tượng, chỉ yêu cầu xuất trình trong trường hợp hệ thống CSDL chưa được cập nhật, dữ liệu bị sai lệch hoặc không thể khai thác được, công chức tiếp nhận hồ sơ scan chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân của đối tượng, thực hiện ký số gắn kèm thành phần hồ sơ theo quy định.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 5.120.760 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 4.899.528 đồng/hồ sơ.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 221.232 đồng/hồ sơ.
- d Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,32 %.

3. Thủ tục: Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (mã số TTHC: 1.013707)

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thành phần hồ sơ: “Sơ yếu lý lịch cá nhân, phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ của nhân sự dự kiến là chủ tịch của hội mới”.

Lý do: Việc yêu cầu Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) không quá 06 tháng gây tốn kém thời gian và chi phí cho cá nhân. Trong giai đoạn thực hiện chuyển đổi số, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có thể trực tiếp tra cứu thông tin tư pháp và nhân thân qua cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc gửi thông tin xác minh qua công an thay vì yêu cầu cá nhân phải đi xin giấy xác nhận từ nhiều cơ quan khác nhau.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ các nội dung quy định về giải quyết TTHC tại điểm d Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội: “Sơ yếu lý lịch cá nhân, phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ của nhân sự dự kiến là chủ tịch của hội mới; nhân sự tham gia ban chấp hành của hội mới nếu thuộc

diện quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ hoặc là cán bộ, công chức, viên chức thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp này nhân sự dự kiến là chủ tịch của hội mới không phải cung cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1)”.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 651.000 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 558.000 đồng/hồ sơ.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 93.000 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm: 14,3%.

III. NGÀNH TÀI CHÍNH (12 TTHC)

1. Thủ tục: Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất (mã số TTHC: 1.005280)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư, bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nghị quyết chia tách hợp tác xã... trường hợp ủy quyền phải nộp bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành....

Lý do: Việc yêu cầu nộp bản sao sẽ gây hiểu lầm và có tâm lý dễ không phải đi lại nhiều lần, người dân, tổ chức sẽ đi làm thủ tục chứng thực bản sao, từ đó gây tốn kém chi phí và thời gian đi lại.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Chỉ yêu cầu xuất trình các văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư, bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nghị quyết chia tách hợp tác xã... trường hợp ủy quyền phải nộp hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành...., công chức tiếp nhận hồ sơ scan các văn bản cần nộp, thực hiện ký số gắn kèm thành phần hồ sơ. Bãi bỏ việc yêu cầu nộp bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nghị quyết... trường hợp ủy quyền phải nộp bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành.....quy định tại khoản 2 khoản 3 khoản 4 Điều 12, Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; điểm d điểm e điểm g khoản 2, Điều 42, Luật số 17/2023/QH15.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 2.551.976 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 2.316.744 đồng/hồ sơ.

- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 235.232 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,22%.

2. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập (mã số TTHC: 1.005277)

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư, biên bản họp Đại hội thành viên, nghị quyết của Đại hội thành viên, hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu; trường hợp ủy quyền phải nộp bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành....

Lý do: Việc yêu cầu nộp bản sao sẽ gây phiền lụy và có tâm lý để không phải đi lại nhiều lần, người dân, tổ chức sẽ đi làm thủ tục chứng thực bản sao, từ đó gây tốn kém chi phí và thời gian đi lại.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Chỉ yêu cầu xuất trình văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư, biên bản họp Đại hội thành viên, nghị quyết của Đại hội thành viên, hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu; trường hợp ủy quyền phải nộp hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành...., công chức tiếp nhận hồ sơ scan các văn bản cần nộp, thực hiện ký số gắn kèm thành phần hồ sơ. Bãi bỏ việc yêu cầu nộp bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư, biên bản họp Đại hội thành viên, nghị quyết của Đại hội thành viên, hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu; trường hợp ủy quyền phải nộp bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành.... quy định tại khoản 2 khoản 3 khoản 4 Điều 12, điểm b điểm c khoản 1 Điều 37, điểm b điểm c khoản 1 Điều 38, điểm b điểm c điểm d khoản 1 Điều 39, điểm b điểm c điểm d khoản 1 Điều 40, Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 2.121.512 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 1.886.280 đồng/hồ sơ.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 235.232 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,09%.

3. Thủ tục: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập (mã số TTHC: 1.004979)

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư, biên bản họp Đại hội thành viên, nghị quyết của Đại hội thành viên, hộ chiếu

nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu; trường hợp ủy quyền phải nộp bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành...

Lý do: Việc yêu cầu nộp bản sao sẽ gây phiền lụy và có tâm lý dè dặt không phải đi lại nhiều lần, người dân, tổ chức sẽ đi làm thủ tục chứng thực bản sao, từ đó gây tốn kém chi phí và thời gian đi lại.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Chỉ yêu cầu xuất trình văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư, biên bản họp Đại hội thành viên, nghị quyết của Đại hội thành viên, hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu; trường hợp ủy quyền phải nộp hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành..., công chức tiếp nhận hồ sơ scan các văn bản cần nộp, thực hiện ký số gắn kèm thành phần hồ sơ. Bãi bỏ việc yêu cầu nộp bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư, biên bản họp Đại hội thành viên, nghị quyết của Đại hội thành viên, hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu; trường hợp ủy quyền phải nộp bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành.... quy định tại khoản 2 khoản 3 khoản 4 Điều 12, điểm b điểm c khoản 1 Điều 41, điểm c khoản 2 Điều 42, Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 2.013.896 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 1.778.664 đồng/hồ sơ.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 235.232 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,68%.

4. Thủ tục: Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (mã số TTHC: 1.004901)

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; đối với trường hợp ủy quyền: bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện TTHC, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành.

Lý do: Việc yêu cầu nộp bản sao sẽ gây phiền lụy và có tâm lý dè dặt không phải đi lại nhiều lần, người dân, tổ chức sẽ đi làm thủ tục chứng thực bản sao, từ đó gây tốn kém chi phí và thời gian đi lại.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Chỉ yêu cầu xuất trình Giấy chứng nhận đăng ký thuế; đối với trường hợp ủy quyền: hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện TTHC, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành, công chức tiếp nhận hồ sơ scan các văn bản cần nộp, thực hiện ký số gắn kèm thành phần hồ sơ. Bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế, hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện TTHC, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành...quy định tại khoản 2 khoản 3 khoản 4 Điều 12, Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 1.906.280 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 1.671.048 đồng/hồ sơ.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 235.232 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,34%.

5. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy (mã số TTHC: 2.002638)

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đối với trường hợp ủy quyền: Bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao Hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành....

Lý do: Việc yêu cầu nộp bản sao sẽ gây hiểu lầm và có tâm lý dễ không phải đi lại nhiều lần, người dân, tổ chức sẽ đi làm thủ tục chứng thực bản sao, từ đó gây tốn kém chi phí và thời gian đi lại. b) Kiến nghị thực thi Về hồ sơ: Chỉ yêu cầu xuất trình Hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành...., công chức tiếp nhận hồ sơ scan các văn bản cần nộp, thực hiện ký số gắn kèm thành phần hồ sơ. Bãi bỏ việc yêu cầu nộp bản sao Hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành...quy định tại khoản 2 khoản 3 khoản 4 Điều 12, Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

5.2. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 1.906.280 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 1.671.048 đồng/hồ sơ.

- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 235.232 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,34%.

6. Thủ tục: Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (mã số TTHC: 1.004982)

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đối với trường hợp hợp ủy: Bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao Hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành....

Lý do: Việc yêu cầu nộp bản sao sẽ gây hiểu lầm và có tâm lý để không phải đi lại nhiều lần, người dân, tổ chức sẽ đi làm thủ tục chứng thực bản sao, từ đó gây tốn kém chi phí và thời gian đi lại.

6.2. Kiến nghị thực thi:

Chỉ yêu cầu xuất trình Hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành..., công chức tiếp nhận hồ sơ scan các văn bản cần nộp, thực hiện ký số gắn kèm thành phần hồ sơ. Bãi bỏ việc yêu cầu nộp bản sao Hợp đồng cung cấp dịch vụ, giấy giới thiệu, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành...quy định tại khoản 2 khoản 3 khoản 4 Điều 12, Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 2.551.976 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 2.316.744 đồng/hồ sơ.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 235.232 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,22%.

7. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh (mã số TTHC: 2.000720)

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao Giấy ủy quyền, giấy chứng tử hoặc quyết định của tòa án tuyên bố đã chết, mất tích; trường hợp ủy quyền: Bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện TTHC, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành; bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân....

Lý do: Việc yêu cầu nộp bản sao sẽ gây hiểu lầm và có tâm lý để không phải đi lại nhiều lần, người dân, tổ chức sẽ đi làm thủ tục chứng thực bản sao, từ đó gây tốn kém chi phí và thời gian đi lại.

7.2. Kiến nghị thực thi:

Chỉ yêu cầu xuất trình Giấy ủy quyền, giấy chứng tử hoặc quyết định của tòa án tuyên bố đã chết, mất tích; trường hợp ủy quyền: hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện TTHC, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành; thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân...., công chức tiếp nhận hồ sơ scan các văn bản cần nộp, thực hiện ký số gắn kèm thành phần hồ sơ. Bãi bỏ việc yêu cầu nộp bản sao Giấy ủy quyền, giấy chứng tử hoặc quyết định của tòa án tuyên bố đã chết, mất tích; trường hợp ủy quyền: Bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện TTHC, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành; bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân.....quy định Điều 12, Điều 93 và khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, Điều 100, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

7.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 2.346.744 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 1.681.048 đồng/hồ sơ.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 665.696 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,37%.

8. Thủ tục: Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh (mã số TTHC: 1.014035)

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC “Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh danh” (Mã số TTHC: 1.014035).

Lý do: Thủ tục “Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh” không còn phù hợp với yêu cầu cải cách TTHC và chuyển đổi số hiện nay. Việc yêu cầu người dân thực hiện thêm một TTHC độc lập để dừng xử lý hồ sơ làm phát sinh thời gian, chi phí tuân thủ và khối lượng công việc cho cơ quan nhà nước. Mặt khác, thời hạn giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh và thủ tục dừng thực hiện đều tương đương nhau, dẫn đến nhiều trường hợp hồ sơ đăng ký đã được giải quyết trước khi yêu cầu dừng được xử lý, làm cho mục tiêu của thủ tục không đạt được trên thực tế. Việc bãi bỏ thủ tục và thay thế bằng chức năng “Rút hồ sơ/Hủy yêu cầu” trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC sẽ tạo điều kiện cho người dân chủ động chấm dứt việc xử lý hồ sơ ngay khi không còn nhu cầu, giảm chi phí tuân thủ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phù hợp với định hướng chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính.

8.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ khoản 5, Điều 95, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP: Thay thế quy trình hành chính bằng giải pháp công nghệ (tính năng phần mềm). Tích hợp chức năng “Rút hồ sơ” hoặc “Hủy yêu cầu” ngay trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh để hệ thống tự động đóng luồng xử lý theo thời gian thực mà không cần người dân phải thực hiện một TTHC độc lập....

Cụ thể: Đối với thủ tục Đăng ký thành lập hộ kinh doanh (mã số TTHC: 1.001612): Bổ sung quy định về quyền rút hồ sơ của người nộp (theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP) và quy trình xử lý tự động của hệ thống khi có yêu cầu rút/hủy từ người dân trước khi ra kết quả cuối cùng. Lý do: Để đảm bảo tính đồng bộ pháp lý; khi bãi bỏ TTHC “Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh” (mã số TTHC 1.014035) thì quyền lợi rút hồ sơ của người dân phải được ghi nhận và xử lý trực tiếp ngay trong quy trình của thủ tục “Đăng ký thành lập hộ kinh doanh” (mã số TTHC: 1.001612).

8.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 1.906.280 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 0 đồng/01 hồ sơ.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 1.906.280 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

9. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (mã số TTHC: 2.000575).

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao Giấy ủy quyền, giấy chứng tử hoặc quyết định của tòa án tuyên bố đã chết, mất tích; trường hợp ủy quyền: Bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện TTHC, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành; bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân....

Lý do: Việc yêu cầu nộp bản sao sẽ gây hiểu lầm và có tâm lý dễ không phải đi lại nhiều lần, người dân, tổ chức sẽ đi làm thủ tục chứng thực bản sao, từ đó gây tổn kém chi phí và thời gian đi lại.

9.2. Kiến nghị thực thi:

Chỉ yêu cầu xuất trình Giấy ủy quyền, giấy chứng tử hoặc quyết định của tòa án tuyên bố đã chết, mất tích; trường hợp ủy quyền: hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện TTHC,

phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành; thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân..., công chức tiếp nhận hồ sơ scan các văn bản cần nộp, thực hiện ký số gắn kèm thành phần hồ sơ. Bãi bỏ việc yêu cầu nộp bản sao Giấy ủy quyền, giấy chứng tử hoặc quyết định của tòa án tuyên bố đã chết, mất tích; hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với tổ chức làm dịch vụ 10 thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện TTHC, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành; bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân... quy định Điều 12, Điều 93 và khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, Điều 100 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

9.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 2.346.744 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 2.111.512 đồng/hồ sơ.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 235.232 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

10. Thủ tục: Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh (mã số TTHC: 1.014034)

10.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục "Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh".

Lý do: TTHC này có nội dung trùng lặp, chồng chéo với thủ tục "Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh" (mã số TTHC: 2.000720). Việc gộp nội dung cập nhật, bổ sung thông tin và hiệu đính sai sót trong cùng một thủ tục làm cho phạm vi áp dụng chưa rõ ràng, dễ gây nhầm lẫn cho người thực hiện, gây khó khăn cho cá nhân, hộ kinh doanh trong việc lựa chọn và thực hiện đúng thủ tục. Mặt khác quy định thời gian giải quyết 03 ngày làm việc chưa đúng quy định tại Điều 101, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP đối với hồ sơ chỉ thực hiện "Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh", theo quy định tại Điều 101, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP quy định hồ sơ "Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh" thời gian giải quyết 01 ngày. Do đó, việc bãi bỏ thủ tục để thực hiện theo các thủ tục chuyên biệt là cần thiết nhằm đơn giản hóa TTHC, giảm chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả giải quyết hồ sơ.

Bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; trường hợp ủy quyền: Bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực

hiện TTHC, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành; trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân còn hiệu lực của người uỷ quyền.....

Lý do: Việc yêu cầu nộp bản sao sẽ gây hiểu lầm và có tâm lý để không phải đi lại nhiều lần, người dân, tổ chức sẽ đi làm thủ tục chứng thực bản sao, từ đó gây tốn kém chi phí và thời gian đi lại.

10.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ TTHC. Tách nội dung của thủ tục thành hai thủ tục độc lập:

Các trường hợp cập nhật, bổ sung hoặc thay đổi thông tin đăng ký hộ kinh doanh được thực hiện theo thủ tục "Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh" (mã thủ tục 2.000720). Về thời gian thực hiện theo đúng quy định tại Điều 101, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

Các trường hợp sửa chữa thông tin sai sót trong hồ sơ hoặc trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã cấp được thực hiện theo thủ tục riêng với tên gọi "Đính chính sai sót trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã cấp" hoặc tên gọi tương đương. Về thời gian 03 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc.

Việc tách thủ tục sẽ bảo đảm tên gọi phản ánh đúng nội dung xử lý, tránh chồng chéo, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính.

Về hồ sơ: Chỉ yêu cầu xuất trình, công chức tiếp nhận hồ sơ scan các văn bản cần nộp, thực hiện ký số gắn kèm thành phần hồ sơ. Bãi bỏ việc yêu cầu nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; trường hợp uỷ quyền: Bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện TTHC, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành; trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân còn hiệu lực của người uỷ quyền.... quy định Điều 12, Điều 93, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

10.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 1.906.280 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 810.120 đồng/hồ sơ.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 1.096.160 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 57,50 %.

11. Thủ tục: Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh (mã số TTHC: 1.001570)

11.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đối với trường hợp ủy quyền: Bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện TTHC, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành; bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân.....

Lý do: Việc yêu cầu nộp bản sao sẽ gây phiền lụy và có tâm lý để không phải đi lại nhiều lần, người dân, tổ chức sẽ đi làm thủ tục chứng thực bản sao, từ đó gây tốn kém chi phí và thời gian đi lại.

11.2. Kiến nghị thực thi:

Về hồ sơ: Chỉ yêu cầu xuất trình, công chức tiếp nhận hồ sơ scan các văn bản cần nộp, thực hiện ký số gắn kèm thành phần hồ sơ. Bãi bỏ việc yêu cầu nộp bản sao Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện TTHC, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành; bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân.... quy định Điều 12, Điều 93, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

11.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 1.260.584 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 1.025.352 đồng/hồ sơ.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 235.232 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,66 %.

12. Thủ tục: Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh (mã số TTHC: 1.001266)

12.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đối với trường hợp ủy quyền: Bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện TTHC, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành; bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân...

Lý do: Việc yêu cầu nộp bản sao sẽ gây phiền lụy và có tâm lý để không phải đi lại nhiều lần, người dân, tổ chức sẽ đi làm thủ tục chứng thực bản sao, từ đó gây tốn kém chi phí và thời gian đi lại.

12.2. Kiến nghị thực thi:

Chỉ yêu cầu xuất trình, công chức tiếp nhận hồ sơ scan các văn bản cần nộp, thực hiện ký số gắn kèm thành phần hồ sơ. Bãi bỏ việc yêu cầu nộp bản sao Hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên

quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện TTHC, phiếu gửi hồ sơ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành; bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân... quy định Điều 12, Điều 93, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

12.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 3.207.672 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 1.455.816 đồng/01 hồ sơ
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 1.751.856 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 54,61 %.

IV. NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (01 TTHC)

1. Thủ tục: Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (mã số TTHC: 1.014258)

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư (kèm theo quyết định phê duyệt dự án) áp dụng đối với các trường hợp theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản. Mặt khác thành phần hồ sơ vẫn yêu cầu nộp bản sao các giấy tờ kèm theo như: Quyết định cho phép chuyển mục đích, Bản đăng ký thu hồi khoáng sản, Giấy phép xây dựng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc yêu cầu nộp bản sao sẽ gây hiểu lầm và có tâm lý để không phải đi lại nhiều lần, người dân, tổ chức sẽ đi làm thủ tục chứng thực bản sao cho chắc, từ đó gây tốn kém chi phí và thời gian đi lại.

Lý do: Thành phần hồ sơ thiếu Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư (kèm theo quyết định phê duyệt dự án). Việc TTHC không quy định đầy đủ thành phần hồ sơ dẫn đến việc người dân phải đi lại nhiều lần để bổ sung hồ sơ, tốn kém thời gian và chi phí đi lại...

1.2. Kiến nghị thực thi: Quy định đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 98, Nghị định 193/2025/NĐ-CP; bãi bỏ việc yêu cầu nộp bản sao, công chức tiếp nhận hồ sơ scan các văn bản cần nộp, thực hiện ký số gắn kèm thành phần hồ sơ theo quy định khoản 1, Điều 98, Nghị định 193/2025/NĐ-CP.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 4.058.600 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 2.531.976 đồng/hồ sơ.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 1.526.624 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,61 %.

V. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (01 TTHC)

1. Thủ tục: Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo (mã số TTHC: 1.001622)

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ yêu cầu người dân nộp hoặc xuất trình các giấy tờ chứng minh đối tượng như: Xác nhận thông tin cư trú, Giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Lý do: Hiện nay thông tin về cư trú đã được tích hợp toàn diện trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được cơ quan có thẩm quyền quản lý trên hệ thống và UBND cấp xã có thể tra cứu, xác minh khi giải quyết TTHC. Việc bắt buộc phụ huynh phải nộp các loại giấy tờ xác nhận bản cứng này gây trùng lặp thông tin, phát sinh chi phí sao y, chứng thực và đi lại không cần thiết cho người dân.

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét sửa đổi điểm a, điểm c, khoản 3, Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non: bỏ yêu cầu xuất trình/nộp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; quy định trách nhiệm của cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải tự tra cứu, đối chiếu thông tin thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và danh sách hộ nghèo/hộ cận nghèo được phê duyệt.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 275.600 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 106.000 đồng/hồ sơ.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 169.600 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 61,54%.

VI. NGÀNH TƯ PHÁP (02 TTHC)

1. Thủ tục: Xác nhận tình trạng hôn nhân (Mã số TTHC: 1.004873)

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ là Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó.

Lý do: Việc yêu cầu “nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó” chưa thực sự phù hợp trong điều kiện hiện nay do thông tin hộ tịch và thông tin cư trú của công dân đã được quản lý trên cơ sở dữ liệu điện tử. Việc yêu cầu người dân phải lưu giữ và nộp lại giấy đã được cấp làm phát sinh thêm nghĩa vụ, tăng chi phí tuân thủ, đồng thời gây khó khăn trong trường hợp giấy bị mất, hư hỏng hoặc đã nộp cho cơ quan, tổ chức khác. Mục tiêu quản lý nhà nước vẫn có thể được bảo đảm thông qua việc cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác, đối chiếu thông tin trên cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

1.2. Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ yêu cầu nộp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó được quy định tại khoản 6, Điều 22, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; giao cơ quan giải quyết thủ tục hành chính chủ động tra cứu, xác minh thông tin trên cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc các cơ sở dữ liệu có liên quan để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 2.155.330 đồng/hồ sơ.
- b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 1.250.584 đồng/hồ sơ.
- c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 904.746 đồng/hồ sơ.
- d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41.9 %.

2. Thủ tục: Cấp bản sao trích lục hộ tịch (mã số TTHC: 2.000635)

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ tờ khai

Lý do: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đã kết nối cơ sở dữ liệu dân cư với dữ liệu phân mền hộ tịch nên cán bộ tiếp nhận đã kiểm tra được thông tin hồ sơ trên cơ sở dữ liệu hộ tịch.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 23 Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/05/2020 và Điểm c Khoản 2 Quyết định 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- a) Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 310.000 đồng/hồ sơ.
 - b) Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 248.000 đồng/hồ sơ.
 - c) Chi phí tiết kiệm được khi thực hiện đơn giản hóa 62.000 đồng/hồ sơ.
 - d) Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20 %.
-